

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 12 năm 2017

Số: 4514/GDĐT-KHTC

Về hướng dẫn việc quản lý và sử dụng
các khoản thu chi của Trường tiên tiến,
xu thế hội nhập khu vực và quốc tế trên
địa bàn thành phố theo Quyết định số
3036/QĐ-UBND ngày 20/6/2014.

TRƯỞNG CAO ĐANG LY TỰ TRỌNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số: 76.9
ĐẾN Ngày: 05/12/17
Chuyển:

Lưu hồ sơ số:

Kính gửi: - Các đơn vị thực hiện Trường tiên tiến theo xu thế hội
nhập theo Quyết định số 3036/QĐ-UBND ngày
20/6/2014 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ Quyết định số 3036/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 của Ủy ban nhân dân thành
phố Hồ Chí Minh về tiêu chí Trường tiên tiến, theo xu thế hội nhập khu vực và quốc tế tại
Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 3968/QĐ-UBND ngày 13/8/2015 của Ủy ban nhân dân thành
phố Hồ Chí Minh về phê duyệt Đề án xây dựng Trường THPT Lê Quý Đôn, Trường THPT
Nguyễn Hiền, Trường THPT Nguyễn Du thực hiện trường tiên tiến, xu thế hội nhập khu vực
và quốc tế theo Quyết định 3036/QĐ-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2014 từ năm học 2015-
2016;

Căn cứ điều 2 của Quyết định 6216/QĐ-UBND ngày 27 tháng 11 năm 2017 của Ủy
ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về ủy quyền phê duyệt mức thu của trường tiên tiến,
xu thế hội nhập khu vực và quốc tế theo Quyết định 3036/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 từ
năm học 2015- 2016 của Ủy ban nhân dân thành phố;

Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn các nội dung quản lý và sử dụng các khoản thu chi
của Trường tiên tiến như sau:

I/ Cơ chế tài chính để thực hiện Trường tiên tiến:

1/ Ngân sách nhà nước: các đơn vị thực hiện được bố trí ngân sách theo định mức
đầu tư/học sinh cùng cấp học theo định mức đầu tư chung của Thành phố giao và các đơn vị
tự đảm bảo thực hiện nhu cầu tăng lương theo lộ trình của Chính phủ theo quy định tại khoản
2.1 mục 2 điều 2 của Quyết định số 3968/QĐ-UBND ngày 13 tháng 8 năm 2015 của Ủy ban
nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

Thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/04/2006 của
Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ
máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập và Nghị định số 16/2015/NĐ-
CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ về quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập.

2/ Về xây dựng mức thu: các đơn vị được chủ động xây dựng mức thu tương xứng để
trang trải chi phí đào tạo theo quy định của Quyết định số 3968/QĐ-UBND ngày 13/8/2015
của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh làm cơ sở đề xuất mức thu đảm bảo thực hiện
các hoạt động của Trường tiên tiến cụ thể:

a/ Mức thu bao gồm:

- Học phí chính quy: thực hiện theo quy định của từng cấp học (Riêng Tiểu học không thu học phí) thời gian áp dụng từ năm học 2017 – 2018 đến khi có mức thu điều chỉnh mới.

- Khoản thu thỏa thuận để đảm bảo các yêu cầu hoạt động thực hiện Trường tiên tiến: tổng mức thu thỏa thuận không quá 1.500.000 đồng/học sinh/tháng cụ thể:

+ Tổ chức dạy học 2 buổi/ngày.

+ Tổ chức dạy học tăng cường Ngoại ngữ.

(Đối với bậc học Mầm non là : Tổ chức cho trẻ làm quen Tiếng Anh)

+ Tổ chức học ngoại ngữ với giáo viên người nước ngoài.

+ Tổ chức dạy các bộ môn năng khiếu, môn tự chọn.

+ Tổ chức thực hiện chương trình giáo dục kỹ năng sống.

+ Tổ chức các hoạt động ngoại khóa, ngoài giờ lên lớp, các hoạt động trải nghiệm.

+ Trang bị cơ sở vật chất cho Trường tiên tiến.

+ Tổ chức các hoạt động khác.

- Thời gian thực hiện: học phí và các khoản thu thỏa thuận được thu theo số tháng thực học nhưng tối đa không quá 9 tháng/năm học. (Riêng đối với bậc học Mầm non được thu theo số tháng thực học)

b/ Nguyên tắc đảm bảo:

- Được đảm bảo nguyên tắc thu đủ bù chi, không vì mục đích lợi nhuận, phù hợp với khả năng đóng góp của người học, trên nguyên tắc thỏa thuận và không thu thêm 1 khoản thu nào khác (Không bao gồm các khoản thu hộ chi hộ và thu thỏa thuận khác không thuộc các hoạt động đã nêu như Chương trình Anh Văn tích hợp, Tổ chức phục vụ các lớp bán trú theo nhu cầu của người học...).

3/ Thẩm quyền phê duyệt dự toán thu chi và mức thu: thực hiện theo Quyết định 6216/QĐ-UBND ngày 27 tháng 11 năm 2017 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về ủy quyền phê duyệt mức thu của trường tiên tiến, xu thế hội nhập khu vực và quốc tế theo Quyết định 3036/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 từ năm học 2015- 2016 của Ủy ban nhân dân thành phố.

4/ Về việc sử dụng và quản lý nguồn thu:

- **Việc sử dụng:** đảm bảo cơ cấu chi sau khi để lại tỷ lệ % phần học phí chính quy theo quy định của Ủy ban nhân dân thành phố về việc trích lập và sử dụng nguồn cải cách tiền lương (Riêng năm 2017 thực hiện theo công văn 6647/UBND-KT ngày 24 tháng 10 năm 2017 của Ủy ban nhân dân thành phố), phần kinh phí được giữ lại (từ nguồn thu học phí chính quy và các khoản thu thỏa thuận) đảm bảo thực hiện các nội dung chi như sau:

+ Nhóm 1: Chi thù lao giảng dạy, quản lý và tổ chức phục vụ trường tiên tiến.

+ Nhóm 2: Chi hỗ trợ hoạt động giảng dạy học tập và các hoạt động chi thường xuyên khác để đảm bảo các tiêu chí của trường tiên tiến.

+ Nhóm 3: Chi đầu tư mua sắm, sửa chữa cơ sở vật chất, đào tạo bồi dưỡng.

+ Nhóm 4: Chi khác (chi học bổng, bổ sung nguồn thực hiện cải cách tiền lương đảm bảo các khoản chi thanh toán cá nhân và thu nhập khác, thực hiện chính sách miễn giảm học phí và các khoản chi phát sinh khác).

Tùy tình hình thực tế của từng đơn vị: điều kiện cơ sở vật chất, thiết bị giảng dạy, năng lực đội ngũ giáo viên.... mà các đơn vị được chủ động xây dựng dự toán kinh phí cho các nhóm chi, dành tỷ lệ nhất định đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất của đơn vị để đảm bảo hoạt động giảng dạy, thực hiện đầy đủ các tiêu chí trường tiên tiến. Chi tiết các nội dung chi, mức chi phải được thông qua hội nghị cán bộ công chức của đơn vị, đồng thời được quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

- **Phân phối kết quả tài chính trong năm:** Sau khi hạch toán đầy đủ các khoản chi phí, nộp thuế và các khoản nộp ngân sách nhà nước khác (nếu có) theo quy định, phần chênh lệch thu lớn hơn chi đơn vị sử dụng theo đúng quy định được nêu tại Nghị định số 43/2006/NĐ-CP và Nghị định số 16/2015/NĐ-CP.

- Việc quản lý thu chi khoản thu thỏa thuận được đảm bảo theo quy định hiện hành.

- Chế độ miễn giảm: học sinh thuộc các đối tượng quy định về miễn giảm học phí theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 2/10/2015 của Chính phủ, được miễn hoặc giảm phần học phí chính quy theo quy định.

II/ Cơ chế công khai và giám sát thu:

Đối với các khoản thu để đảm bảo các yêu cầu thực hiện Trường tiên tiến, sau khi được Ủy ban nhân dân Quận Huyện phê duyệt mức thu, **các đơn vị công bố công khai điều kiện tuyển sinh và mức thu** (theo các nội dung của Đề án) để thực hiện.

Việc quản lý và sử dụng khoản thu được đơn vị đảm bảo yêu cầu công khai dân chủ, minh bạch theo quy định tại Thông tư số 09/2009/TT-BGDĐT ngày 07 tháng 05 năm 2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với các cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân; Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 06 năm 2017 của Bộ Tài chính về hướng dẫn công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán, ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 89/2010/TT-BTC ngày 12/6/2010 của Bộ Tài Chính về hướng dẫn chế độ báo cáo công khai quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức được giao quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.

Quy chế chi tiêu nội bộ của các đơn vị phải được thảo luận công khai và được thống nhất bằng biên bản thông qua trong hội nghị cán bộ, công chức, viên chức.

III. Về thời gian và báo cáo việc triển khai thực hiện Trường tiên tiến: đề nghị các đơn vị tổ chức thực hiện các nội dung nêu trên và gửi báo cáo kết quả thực hiện về Sở Giáo dục và Đào tạo trước ngày 30 tháng 08 hằng năm.

Trên đây là một số điểm cần lưu ý về quản lý và sử dụng các khoản thu chi để thực hiện Trường tiên tiến. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, khó khăn, đề nghị các đơn vị có ý kiến gửi về Sở Giáo dục và Đào tạo để được hướng dẫn cụ thể. *J. J.*

Nơi nhận:

- Như trên
- Sở Tài Chính "để biết và phối hợp";
- Ủy ban nhân dân các Quận, Huyện "để thực hiện";
- Lưu VP KHTC.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Lê Hoài Nam

Số: 6216 /QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 11 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về ủy quyền phê duyệt mức thu của trường tiên tiến, xu thế hội nhập

khu vực và quốc tế theo Quyết định số 3036/QĐ-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2014 của Ủy ban nhân dân thành phố

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TP. HỒ CHÍ MINH	
Số: 6286	ĐẾN
Ngày: 20/11/17	
Chuyển:	

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập và Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ về quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 34/2016/QĐ-UBND ngày 13 tháng 9 năm 2016 của Ủy ban nhân dân thành phố về thực hiện Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về quy định cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 3036/QĐ-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2014 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về tiêu chí Trường tiên tiến, theo xu thế hội nhập khu vực và quốc tế tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 3968/QĐ-UBND ngày 13 tháng 8 năm 2015 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt Đề án xây dựng Trường Trung học phổ thông Lê Quý Đôn, Trường Trung học phổ thông Nguyễn Hiền, Trường Trung học phổ thông Nguyễn Du thực hiện trường tiên tiến, xu thế hội nhập khu vực và quốc tế theo Quyết định số 3036/QĐ-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2014 từ năm học 2015- 2016;

Xét đề nghị của Sở Giáo dục và Đào tạo tại Công văn số 4318/GDDT-KHTC ngày 21 tháng 11 năm 2017 và ý kiến của Sở Tư pháp tại Công văn số 18207/STP-VB ngày 03 tháng 11 năm 2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ủy quyền việc phê duyệt mức thu của Trường tiên tiến theo xu thế hội nhập và quốc tế theo Khoản 2 Điều 2 Quyết định số 3968/QĐ-UBND ngày 13 tháng 8 năm 2015 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, cụ thể như sau:

- Ủy quyền cho Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo phê duyệt mức thu của Trường tiên tiến đối với các đơn vị trường học trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo theo phân cấp quản lý.

- Ủy quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện phê duyệt mức thu của Trường tiên tiến đối với các đơn vị trường học thuộc địa bàn theo phân cấp quản lý.

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo chịu trách nhiệm hướng dẫn việc sử dụng các khoản thu của Trường tiên tiến để thực hiện Đề án theo đúng các tiêu chuẩn của Quyết định số 3036/QĐ-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2014 của Ủy ban nhân dân thành phố.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến hết năm học 2020 - 2021 (Theo hiệu lực của Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020 - 2021).

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Nội vụ, Sở Tài chính, và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND/TP;
- TTUB: CT, PCT/VX;
- Sở Tư pháp;
- VPUB: PVP/VX;
- Phòng VX, TH;
- Lưu: VT, (VX-VN) 17

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thị Thu

17/7/2014

BCH - T5 đ/v

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3036/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 6 năm 2014

TRƯỞNG GD&ĐT LÝ TỰ TRỌNG

CV
ĐẾN
Số: 414
Ngày: 17/7/2014

QUYẾT ĐỊNH

tiêu chí Trường tiên tiến, theo xu thế hội nhập khu vực
và quốc tế tại Thành phố Hồ Chí Minh

Số: 9454
Ngày: 24/6/14
Chuyển: CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2005 và Luật sửa đổi một số điều của Luật Giáo dục ngày 04 tháng 12 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 115/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07 tháng 4 năm 2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Điều lệ trường mầm non; Thông tư số 41/2010/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2010 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường tiểu học; Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 3 năm 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học; Quyết định số 01/2007/QĐ-BGDĐT ngày 02 tháng 01 năm 2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Giáo dục thường xuyên; Thông tư số 54/2011/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 11 năm 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Điều lệ trường trung cấp chuyên nghiệp; Thông tư số 14/2009/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 5 năm 2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường cao đẳng; ;

Xét đề nghị của Sở Giáo dục và Đào tạo tại Công văn số 1787/TTr-GDĐT-VP ngày 04 tháng 6 năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này tiêu chí Trường tiên tiến, theo xu thế hội nhập khu vực và quốc tế tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện và Hiệu trưởng các Trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông, trung cấp chuyên nghiệp và cao đẳng thuộc Thành phố có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.



Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND, TP
- TTUB: CT, các PCT;
- Ban Tuyên giáo Thành ủy;
- Các Ban HĐND, TP,
- VPUB: Các PVP;
- Các Phòng CV, TTCB;
- Lưu: VT, (VX-Nh) lh. 55

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Hứa Ngọc Thuận
Hứa Ngọc Thuận

TIÊU CHÍ

Trường tiên tiến, theo xu thế hội nhập khu vực và quốc tế
tại Thành phố Hồ Chí Minh
(Ban hành kèm theo Quyết định số 3036/QĐ-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2014
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

I. MỤC ĐÍCH - YÊU CẦU

1. Mục đích:

- a) Xây dựng mô hình tiên tiến, hiện đại và hội nhập, đáp ứng nhu cầu học tập của học sinh và yêu cầu của xã hội; tiếp cận được với giáo dục ở các nước trong khu vực và quốc tế nhưng vẫn đảm bảo mang đậm bản sắc dân tộc.
- b) Tham gia đào tạo đội ngũ học sinh năng động, có năng lực sáng tạo, năng lực thực hành, năng lực ngoại ngữ và tin học; đáp ứng nhu cầu nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế.
- ~~c) Góp phần đổi mới cơ chế hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công, đẩy mạnh xã hội hóa một số loại hình dịch vụ sự nghiệp công.~~
- d) Tạo điều kiện để một số cơ sở giáo dục có điều kiện trở thành nhân tố tiên phong trong quá trình xây dựng nền giáo dục tiên tiến, hiện đại.
- đ) Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện của một số cơ sở giáo dục theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa và hội nhập quốc tế.

2. Yêu cầu:

- a) Đạo đức: giáo dục học sinh những giá trị đạo đức cơ bản phù hợp với nền văn hóa dân tộc như yêu nước, trung thực, có lòng nhân ái, sống có trách nhiệm với bản thân, gia đình và xã hội; ý thức chấp hành luật pháp và những giá trị đạo đức mang tính cộng đồng thế giới như ý thức bảo vệ môi trường tự nhiên và xã hội; tinh thần đoàn kết quốc tế...
- b) Tri thức: được trang bị những kiến thức hiện đại về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn; những kỹ năng thực tế để làm chủ cuộc sống bản thân và hòa nhập cộng đồng; kỹ năng ngoại ngữ, kỹ năng tin học đủ để có thể làm việc ở môi trường quốc tế; những kỹ năng nghiên cứu, tìm tòi về khoa học; kỹ năng ứng dụng lý thuyết để giải quyết những vấn đề nảy sinh trong thực tế.
- c) Sức khỏe: học sinh được hướng dẫn để hiểu biết về thân thể; việc giữ gìn và bảo vệ sức khỏe; việc rèn luyện để tăng cường thể chất; cách phòng chống dịch bệnh của thời đại và bảo vệ sức khỏe trong tình trạng ô nhiễm môi trường sống xung quanh.

d) Thẩm mỹ: được trang bị những kiến thức cơ bản về âm nhạc, hội họa,... hướng dẫn học sinh biết hưởng thụ văn hóa, thẩm mỹ; biết cảm nhận cái đẹp từ đó nâng cao giá trị tinh thần.

đ) Tác phong: được hình thành tác phong hiện đại, văn minh phù hợp với xu thế quốc tế.

3. **Đối tượng áp dụng:** Các Trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông, trung cấp chuyên nghiệp và cao đẳng công lập thuộc Thành phố quản lý.

II. TIÊU CHÍ CỤ THỂ TỪNG BẬC HỌC

1. MẦM NON

Xây dựng tại Thành phố Hồ Chí Minh một hệ thống trường mầm non có chất lượng tốt, chăm sóc giáo dục trẻ từ 1 đến 6 tuổi. Tại đây trẻ có cơ hội phát triển tốt nhất về thể lực, trí tuệ, tình cảm, thẩm mỹ, trong một môi trường sống an toàn, thân thiện, có cơ hội hoạt động tích cực.

Điều chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường

1. Công tác quản lý

a) Tổ chức và quản lý tốt các hoạt động hành chính, tài chính, quy chế chuyên môn, quy chế dân chủ, kiểm tra nội bộ, đổi mới công tác quản lý, quan hệ công tác và lễ lối làm việc trong trường mầm non;

b) Nhà trường có tổ chức định kỳ các hoạt động chuyên môn, trao đổi kinh nghiệm, chia sẻ sáng kiến chăm sóc giáo dục trẻ giữa các giáo viên trong hội đồng;

c) Xây dựng môi trường thân thiện, giáo viên đoàn kết gắn bó, có quan hệ tốt với phụ huynh và địa phương. Quản lý và sử dụng có hiệu quả cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ, đảm bảo cảnh quan xanh, sạch, đẹp, an toàn. Ban Giám hiệu và cán bộ, giáo viên, công nhân viên được chăm sóc tốt về đời sống vật chất, tinh thần, có chế độ khen thưởng thích đáng hàng tháng.

2. Công tác tổ chức

a) Hiệu trưởng và các Phó hiệu trưởng có thời gian làm công tác quản lý ít nhất là 5 năm đối với Hiệu trưởng và 3 năm đối với các Phó hiệu trưởng; có bằng tốt nghiệp từ đại học sư phạm mầm non trở lên, đã qua lớp bồi dưỡng về nghiệp vụ quản lý giáo dục và lý luận chính trị theo quy định;

b) Ban giám hiệu và giáo viên ứng dụng được công nghệ thông tin trong công tác quản lý và dạy học. Xây dựng môi trường sinh hoạt, học tập đáp ứng yêu cầu chương trình giáo dục mầm non;

c) Ban giám hiệu có khả năng báo cáo chuyên đề và bồi dưỡng chuyên môn cho giáo viên, phân công sắp xếp đội ngũ hợp lý để phát huy khả năng của từng cá nhân.

3. Các tổ chức, đoàn thể và Hội đồng trong trường mầm non

a) Thành lập các hội đồng, tổ chức bộ máy theo quy định tại Điều lệ trường mầm non;

3. Có hệ thống công nghệ thông tin kết nối internet đáp ứng yêu cầu quản lý và dạy học; có website thông tin trên mạng internet hoạt động thường xuyên, hỗ trợ có hiệu quả cho công tác dạy học và quản lý trung tâm.

Tiêu chuẩn 5: Công tác xã hội hoá giáo dục

1. Trung tâm chủ động phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước, các đoàn thể, tổ chức ở địa phương để xuất những biện pháp cụ thể nhằm thực hiện chủ trương và kế hoạch phát triển giáo dục địa phương.

2. Ban đại diện Cha mẹ học viên được thành lập và hoạt động theo đúng quy chế hiện hành, hoạt động có hiệu quả trong việc kết hợp với trung tâm và xã hội để giáo dục học viên.

3. Mọi quan hệ và thông tin giữa trung tâm, gia đình và xã hội được duy trì thường xuyên, kịp thời, chặt chẽ, tạo nên môi trường giáo dục lành mạnh, phòng ngừa, đẩy lùi các hiện tượng tiêu cực vi phạm pháp luật, tệ nạn xã hội xâm nhập vào trung tâm.

4. Huy động hợp lý và có hiệu quả sự tham gia của gia đình và cộng đồng vào các hoạt động giáo dục, tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị và điều kiện nâng cao hiệu quả giáo dục của trung tâm.

5. Thực hiện đúng các qui định về công khai điều kiện dạy học, chất lượng giáo dục, các nguồn kinh phí được đầu tư, hỗ trợ của trung tâm theo đúng quy định hiện hành.

6. TRUNG CẤP CHUYÊN NGHIỆP

Tiêu chuẩn 1: Quản trị nhà trường

1. Đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với trường Trung cấp chuyên nghiệp.

2. Đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2008 hoặc tương đương.

Tiêu chuẩn 2: Ngành đào tạo và chương trình đào tạo

1. Trên 75% ngành đào tạo có chương trình đạt chuẩn kiểm định chất lượng; 100% ngành đào tạo có chương trình được tham vấn từ Doanh nghiệp; trong đó 30% ngành đào tạo trọng điểm có chương trình đạt chuẩn các nước tiên tiến khu vực hoặc được các tổ chức Giáo dục các nước tiên tiến khu vực thừa nhận.

2. 100% ngành được phép đào tạo từ 3 năm trở lên có quy mô trên 200 học sinh.

3. 100% ngành đào tạo được cập nhật và điều chỉnh theo chu kỳ 2 năm/1 lần.

Tiêu chuẩn 3: Đội ngũ Giảng viên

1. Có đội ngũ giảng viên đúng quy định hiện hành.

2. Có giảng viên cơ hữu (các học phần cơ sở và chuyên ngành) đảm bảo tỉ lệ Giảng viên/học sinh = 1/25.

3. Trình độ đội ngũ giảng viên đảm bảo:

a) 100% có trình độ chuyên môn Đại học chuyên ngành, trong đó có 10% trình độ thạc sĩ chuyên ngành trở lên;

- b) 100% có nghiệp vụ sư phạm;
- c) 100% giảng viên chuyên ngành Ngoại ngữ đạt trình độ C1 trong đó có 20% đạt trình độ C2 theo khung tham chiếu Châu Âu;
- d) 100% giảng viên chuyên ngành đạt trình độ B1 trong đó có 50% đạt trình độ B2 theo khung tham chiếu Châu Âu;
- e) 100% giảng viên không chuyên ngành công nghệ thông tin đạt trình độ Tin học IC3 (hoặc tương đương).

Tiêu chuẩn 4: Học sinh

1. Đảm bảo việc làm sau tốt nghiệp:

- a) Đạt 75% học sinh tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo trong 6 tháng;
- b) Đạt 90% học sinh các ngành đào tạo trọng điểm tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo trong 6 tháng.

2. Đảm bảo năng lực sau tốt nghiệp:

- a) Kỹ năng chuyên môn theo ngành đào tạo đạt chuẩn đầu ra;
- b) Năng lực ngoại ngữ: học sinh chuyên ngành Ngoại ngữ đạt trình độ B1 trong đó có 50% đạt trình độ B2 theo khung tham chiếu Châu Âu; học sinh chuyên ngành đạt trình độ A2 trong đó có 30% đạt trình độ B1 theo khung tham chiếu Châu Âu;

c) Năng lực ứng dụng công nghệ thông tin: có chứng chỉ IC3 trở lên;

d) Kỹ năng cơ bản: Kỹ năng thuyết trình; Kỹ năng lập kế hoạch; Kỹ năng quản lý thời gian...

3. Đảm bảo giáo dục đạo đức nghề nghiệp, lối sống.

4. 100% học sinh tham gia hoạt động Văn - Thể - Mỹ, công tác xã hội.

Tiêu chuẩn 5: Cơ sở vật chất - Trang thiết bị

1. Thư viện:

- a) Hoạt động với số lượt người/tháng = quy mô học sinh của trường;
- b) Có sách, tạp chí chuyên ngành trong nước và ngoài nước;
- c) Có Thư viện điện tử;

2. Hạ tầng công nghệ thông tin:

- a) Đảm bảo cung cấp hệ thống mạng và mạng không dây (wireless);
- b) Có website của trường;
- c) Có các phần mềm cơ bản: Quản lý Giảng dạy và học tập; Quản lý nhân sự;

Quản lý Tài chính - Tài sản.

3. Đảm bảo diện tích sàn xây dựng sở hữu của trường phục vụ cho đào tạo: 1.5 m²/học sinh.

4. Có khu vực học sinh tự học.

5. Có khu vực học sinh hoạt động Văn - Thể - Mỹ và sinh hoạt.

6. Đảm bảo hệ thống xưởng thực hành, thực tập; phòng thí nghiệm và trang thiết bị phục vụ giảng dạy, học tập, nghiên cứu tương ứng ngành đào tạo theo quy định.

Tiêu chuẩn 6: Tài chính và quản lý tài chính

1. Ngân sách hoạt động của trường được huy động từ nhiều nguồn, được phân bổ hợp lý và thực hiện công khai theo quy định bao gồm hoạt động thường xuyên và đầu tư phát triển.

a) Đối với trường công lập:

- Nguồn kinh phí nhà nước cấp;
- Các nguồn thu hợp pháp khác đạt tối thiểu 40%.

b) Đối với trường ngoài công lập:

- Các nguồn thu hợp pháp theo quy định.

2. Đảm bảo thực hiện kiểm toán hàng năm.

Tiêu chuẩn 7: Hoạt động nghiên cứu khoa học

1. Đảm bảo điều kiện phục vụ hoạt động nghiên cứu khoa học trong đội ngũ cán bộ, giảng viên và học sinh.

2. 50% cán bộ quản lý và giảng viên có đề tài nghiên cứu cấp Phòng - Khoa, đơn vị trực thuộc trường, trong đó 20% cán bộ quản lý và giảng viên có đề tài nghiên cứu cấp trường, 30% đề tài nghiên cứu được ứng dụng thực tiễn và được đánh giá tốt.

3. Có ít nhất 1 đề tài nghiên cứu khoa học cấp cao hơn trường/năm và được nghiệm thu.

4. Có ít nhất 2 Hội thảo khoa học từ cấp Trường trở lên/năm.

Tiêu chuẩn 8: Quan hệ hợp tác

1. Với địa phương nơi trường trú đóng.

2. Với doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động trong và ngoài nước.

3. Với cơ sở đào tạo trong và ngoài nước.

7. CAO ĐẲNG

Tiêu chuẩn 1: Quản trị nhà trường

1. Đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với trường Cao đẳng.

2. Đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2008 hoặc tương đương.

Tiêu chuẩn 2: Ngành đào tạo và chương trình đào tạo

1. Trên 75% ngành đào tạo có chương trình đạt chuẩn kiểm định chất lượng; 100% ngành đào tạo có chương trình được tham vấn từ Doanh nghiệp; trong đó 30% ngành đào tạo trọng điểm có chương trình đạt chuẩn các nước tiên tiến khu vực ASEAN, Quốc tế hoặc được các tổ chức Giáo dục các nước tiên tiến khu vực ASEAN, Quốc tế thừa nhận

2. 100% ngành được phép đào tạo từ 3 năm trở lên có quy mô trên 300 sinh viên.

3. 100% chương trình đào tạo được tổ chức theo Học chế Tín chỉ.

4. 100% chương trình đào tạo được cập nhật và điều chỉnh theo chu kỳ 3 năm/1 lần.

Tiêu chuẩn 3: Đội ngũ giảng viên

1. Có đội ngũ giảng viên đúng quy định hiện hành.
2. Có giảng viên cơ hữu (các học phần cơ sở và chuyên ngành) đảm bảo tỉ lệ giảng viên /sinh viên = 1/25.
3. Trình độ đội ngũ giảng viên đảm bảo:
 - a) 100% giảng viên có trình độ chuyên môn là Thạc sỹ chuyên ngành trong đó có 4% đạt trình độ tiến sĩ;
 - b) 100% giảng viên có nghiệp vụ sư phạm;
 - c) 100% giảng viên chuyên ngành Ngoại ngữ đạt trình độ C1 trong đó có 30% đạt trình độ C2 theo khung tham chiếu Châu Âu;
 - d) 100% giảng viên chuyên ngành đạt trình độ B1 trong đó có 50% đạt trình độ B2 theo khung tham chiếu Châu Âu;
 - đ) 100% giảng viên không chuyên ngành công nghệ thông tin có chứng chỉ Tin học IC3 (hoặc tương đương).

Tiêu chuẩn 4: Sinh viên

1. Đảm bảo việc làm sau tốt nghiệp:
 - a) Đạt 75% sinh viên tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo trong 6 tháng;
 - b) Đạt 90% sinh viên các ngành đào tạo trọng điểm tốt nghiệp có việc làm đúng chuyên ngành trong 6 tháng.
2. Đảm bảo năng lực sau tốt nghiệp:
 - a) Kỹ năng chuyên môn: đạt chuẩn đầu ra theo ngành đào tạo;
 - b) ~~Năng lực ngoại ngữ: sinh viên chuyên ngành Ngoại ngữ đạt trình độ B2~~ trong đó có 50% đạt trình độ C1 theo khung tham chiếu Châu Âu; sinh viên chuyên ngành đạt trình độ B1 trong đó có 30% đạt trình độ B2 theo khung tham chiếu Châu Âu;
 - c) Năng lực ứng dụng công nghệ thông tin: có chứng chỉ IC3 trở lên;
 - d) Kỹ năng cơ bản: Kỹ năng thuyết trình; Kỹ năng lập kế hoạch; Kỹ năng quản lý thời gian...
3. Đảm bảo giáo dục đạo đức nghề nghiệp, lối sống.
4. 100% sinh viên tham gia hoạt động Văn - Thể - Mỹ, công tác xã hội.

Tiêu chuẩn 5: Cơ sở vật chất - Trang thiết bị

1. Thư viện:
 - a) Hoạt động với số lượt người/tháng nhiều hơn quy mô sinh viên của trường;
 - b) Có sách, tạp chí chuyên ngành trong và ngoài nước;
 - c) Có Thư viện điện tử.
2. Đảm bảo diện tích sàn xây dựng sở hữu của trường phục vụ cho đào tạo: 2m²/sinh viên.
3. Có khu vực sinh viên tự học.
4. Có khu vực sinh viên hoạt động Văn - Thể - Mỹ và sinh hoạt.
5. Đảm bảo hệ thống xưởng thực hành, thực tập; phòng thí nghiệm và trang thiết bị phục vụ giảng dạy, học tập, nghiên cứu tương ứng ngành đào tạo theo quy định.

Tiêu chuẩn 6: Tài chính và quản lý tài chính

1. Ngân sách hoạt động của trường được huy động từ nhiều nguồn, được phân bổ hợp lý và thực hiện công khai theo quy định bao gồm hoạt động thường xuyên và đầu tư phát triển.

a) Đối với trường công lập:

- Nguồn kinh phí nhà nước cấp;
- Các nguồn thu hợp pháp khác đạt tối thiểu 40%.

b) Đối với trường ngoài công lập:

- Các nguồn thu hợp pháp theo quy định.

2. Đảm bảo thực hiện kiểm toán hàng năm

Tiêu chuẩn 7: Hoạt động nghiên cứu khoa học

1. Đảm bảo điều kiện phục vụ hoạt động nghiên cứu khoa học trong đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và sinh viên.

2. 100% cán bộ quản lý và giảng viên có đề tài nghiên cứu cấp Phòng - Khoa, đơn vị trực thuộc trường, trong đó 30% cán bộ quản lý và giảng viên có đề tài nghiên cứu cấp trường, 50% đề tài nghiên cứu được ứng dụng thực tiễn và được đánh giá tốt.

3. Có ít nhất 1 đề tài nghiên cứu khoa học cấp cao hơn trường/năm và được nghiệm thu.

4. Có ít nhất 3 Hội thảo khoa học cấp Trường, Thành phố/năm.

5. Có ít nhất 1 Hội thảo Khoa học quốc gia/năm.

6. Có ít nhất 2 đề tài nghiên cứu của sinh viên/khoá học.

Tiêu chuẩn 8: Quan hệ hợp tác

1. Với địa phương nơi trường trú đóng.

2. Với doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động trong và ngoài nước.

3. Với cơ sở đào tạo trong và ngoài nước.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Cemau

Hà Ngọc Thuận